

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
(HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
VÀ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010)

PHẦN I

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2010 :

Căn cứ chương trình công tác năm 2010, Ban Kiểm Soát (BKS) đã thực hiện nhiệm vụ với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của HĐQT trong suốt niên độ, xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý; kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của công ty, phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- Tham gia các buổi họp của HĐQT, kiểm tra giám sát việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc;
- Kiểm soát hoạt động: xem xét đánh giá các hoạt động trọng yếu của công ty, nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó góp ý trong công tác quản trị, biện pháp hạn chế rủi ro trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh, đầu tư của doanh nghiệp.
- Kiểm soát báo cáo tài chính: luân phiên kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, quyết toán vốn đầu tư các dự án. Định kỳ kiểm tra và phân tích Báo cáo tài chính hàng quý. Đồng thời, phối hợp kiểm toán độc lập vào giữa kỳ và cuối kỳ nhằm đảm bảo tính chính xác và minh bạch của báo cáo tài chính; giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính.

- Tham gia cùng HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và đơn vị tư vấn trong việc đưa cổ phiếu của công ty niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán thành phố HCM (HOSE) ngày 14/4/2010.
- Giám sát việc công bố thông tin của công ty theo đúng quy định của pháp luật. Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi cho cổ đông.
- Phát hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát cho phù hợp đối với loại hình công ty niêm yết trong năm 2010 sau khi đã được ĐHĐCĐ thường niên 2010 thông qua.
- Phối hợp Công ty Phát triển nguồn nhân lực NETVIET để khảo sát hoạt động của công ty nhằm đưa ra nhóm giải pháp cơ cấu lại lại bộ máy hoạt động hiệu quả hơn.

Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, BKS được HĐQT, Ban điều hành tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

II. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC :

Thực hiện nhiệm vụ BKS được quy định tại điều 5 của Quy chế tổ chức và hoạt động Ban Kiểm Soát Công ty cổ phần Thương mại – Dịch vụ Bến Thành, BKS đề ra chương trình công tác với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị trong suốt niên độ liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, đồng thời giám sát việc quản lý điều hành kinh doanh của Ban tổng giám đốc theo luật doanh nghiệp và điều lệ công ty.
- Kiểm soát báo cáo tài chính: Kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép chứng từ, sổ sách kế toán và các hợp đồng kinh tế tại Công ty và các đơn vị trực thuộc; kiểm soát chi phí, doanh thu để hoạt động của doanh nghiệp đạt được hiệu quả. Bên cạnh đó, kiểm tra tính hiệu quả của việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư, tính khả thi của các dự án trong danh mục đầu tư.
- Tư vấn HĐQT về việc chọn đơn vị kiểm toán độc lập trong kiểm tra báo cáo tài chính và quyết toán vốn đầu tư dự án; Thẩm định Báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo Kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông; Thẩm định quyết toán vốn đầu tư dự án trình HĐQT.
- Kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và HĐQT.

PHẦN II

THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2010

Căn cứ vào quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm Soát được quy định tại điều 37 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ Bến Thành;

Trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2010 do Ban Điều Hành lập, Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính Công Ty Cổ Phần Thương Mại – Dịch Vụ Bến Thành của Công Ty TNHH Kiểm Toán & Dịch Vụ Tin Học (AISC), Ban Kiểm Soát xác nhận số liệu và báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông như sau:

I. THỰC HIỆN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN 2009 THEO NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ 2010:

ĐVT: đồng				
STT	DIỄN GIẢI	NGHỊ QUYẾT	THỰC HIỆN	TỶ LỆ TH
1	Lợi nhuận trước thuế TNDN năm 2009	33.110.418.055	33.110.418.055	100%
2	Thuế TNDN phải nộp	6.942.415.004	6.942.415.004	100%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.168.003.051	26.168.003.051	100%
5	Trích lập các quỹ	5.233.600.611	5.233.600.611	100%
	- Quỹ dự phòng tài chính 5%	1.308.400.153	1.308.400.153	100%
	- Quỹ phúc lợi 5%	1.308.400.153	1.308.400.153	100%
	- Quỹ khen thưởng 10%	2.616.800.305	2.616.800.305	100%
6	Tổng lợi nhuận sau thuế còn lại chi cổ tức	23.860.229.716	23.860.229.716	100%
	- Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2008	2.925.827.276	2.925.827.276	100%
	- Lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ năm 2009	20.934.402.440	20.934.402.440	100%
7	Cổ tức chia cho cổ đông 20%/VĐL	17.600.000.000	17.600.000.000	100%
8	Lợi nhuận còn lại sau khi phân phối	6.260.229.716	6.260.229.716	100%

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2010 : (xem chi tiết tại phụ lục 1)

ĐVT: đồng

STT	TÀI SẢN	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 31/12/2010	
		BCTC riêng Bến Thành	BCTC hợp nhất
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	336.892.216.059	336.974.600.450
1	TÀI SẢN NGẮN HẠN	123.896.062.600	131.866.666.705
2	TÀI SẢN DÀI HẠN	212.996.153.459	205.107.933.745
B	TỔNG NGUỒN VỐN	336.892.216.059	336.974.600.450
1	NỢ PHẢI TRẢ	75.955.296.275	72.402.758.952
2	VỐN CHỦ SỞ HỮU	260.936.919.784	263.267.351.216
	- Vốn điều lệ	88.000.000.000	88.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	127.419.120.000	127.419.120.000
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.543.685	2.543.685
	- Quỹ đầu tư phát triển	9.156.926.111	9.156.926.111
	- Quỹ dự phòng tài chính	4.476.647.318	4.476.647.318
	- Lợi nhuận chưa phân phối	31.881.682.670	34.212.114.102
3	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	1.304.490.282

III. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010: (xem chi tiết tại phụ lục 2)

ĐVT: đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010	
		BCTC riêng Bến Thành	BCTC hợp nhất
1	Tổng doanh thu và thu nhập	282.454.526.759	286.272.811.639
2	Tổng chi phí xác định KQKD	241.705.548.421	243.182.682.565
3	Lãi trong công ty liên kết	-	403.756.873
4	Thu nhập trước thuế TNDN	40.748.978.338	43.493.885.947
5	Thuế TNDN phải nộp	8.601.525.384	10.280.752.823
6	Thu nhập sau thuế TNDN	32.147.452.954	33.213.133.124
7	Thu nhập thuộc các cổ đông thiểu số	-	499.150.317
8	Thu nhập thuộc các cổ đông TSC	32.147.452.954	32.713.982.807

IV. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN TM-DV BẾN THÀNH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh:

- Năm 2010, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức do kinh tế vĩ mô bất ổn, lạm phát tăng cao; thị trường chứng khoán diễn biến không thuận lợi vào những tháng cuối năm. Tuy nhiên, nhờ sự nỗ lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động nên đã đạt được thành tích khả quan.
- Công ty đã thực hiện vượt các chỉ tiêu đề ra trong nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 như sau:
 - Tổng doanh thu thương mại dịch vụ toàn hệ thống là 272,3 tỷ đồng. Trong đó, công ty mẹ thực hiện 264,8 tỷ, vượt 20,4% so kế hoạch.
 - Lợi nhuận trước thuế hợp nhất là 43,49 tỷ đồng. Trong đó, công ty mẹ thực hiện 40,74 tỷ, vượt 27,3% so kế hoạch.
 - Lợi nhuận sau thuế hợp nhất 33,2 tỷ. Trong đó, công ty mẹ thực hiện 32,14 tỷ.
 - Lợi nhuận sau thuế hợp nhất thuộc cổ đông công ty mẹ 32,7 tỷ.
 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu 3.717 đ/cp.

2. Về tính tuân thủ :

- Ban quản trị, điều hành đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành:
 - Thủ tục và nội dung ban hành các văn bản của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc là phù hợp với thẩm quyền và tuân thủ các quy định theo pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - Trong hoạt động đầu tư tài chính, Doanh nghiệp đã đầu tư vào những lĩnh vực có định hướng và phạm vi ngân sách cho phép theo quyết định của HĐQT.
 - Trong thực hiện dự án đầu tư, Công ty luôn tuân thủ các trình tự qui trình thực hiện dự án đầu tư, quy định về luật đấu thầu của nhà nước cũng như các quyết định, quy chế quản lý đầu tư của HĐQT ban hành.
 - Công ty đã chấp hành đầy đủ và nghiêm chỉnh việc công bố thông tin theo quy định của pháp luật
- Các Bộ phận, các đơn vị trực thuộc Công ty luôn phối hợp với Ban Kiểm Soát thực hiện tốt công tác kiểm soát nội bộ nhằm thực hiện đúng các quy định của Công ty và các chính sách pháp luật của Nhà nước.

3. Về các mặt hoạt động khác :

- HĐQT và Ban Điều Hành thực hiện tốt các chế độ chính sách của nhà nước, đảm bảo việc làm và ổn định thu nhập người lao động.
- Chính sách nhân sự luôn được Doanh nghiệp quan tâm, trong năm qua doanh nghiệp đã tuyển dụng mới 20 lao động và thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn cũng như tạo điều kiện cho cán bộ quản lý, nhân viên tham dự các lớp học về quản trị, kế toán, thuế ...

V. KIẾN NGHỊ:

1. Từ các nhận định về tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh năm 2010 của Công ty, Ban Kiểm Soát đề nghị ĐHĐCĐ thông qua báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2010 đã trình trước Đại hội.
2. Để công ty ngày càng phát triển và ổn định, hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động, Ban Kiểm Soát có một số đề nghị công ty cần quan tâm:
 - Quan tâm hơn nữa đến công tác phát triển nguồn nhân lực, phát triển thêm mạng lưới kinh doanh để đáp ứng nhiệm vụ kinh doanh năm 2011, đồng thời nâng cao sức cạnh tranh trong tình hình kinh tế hiện nay.
 - Tiếp tục nâng cao năng lực hoạt động của các phòng ban công ty; hoàn chỉnh cơ chế nhằm đảm bảo sự tuân thủ các quy định, khuyến khích nâng cao hiệu quả hoạt động và thiết lập được quy trình quản lý trong công ty.
 - Ban Tổng giám đốc cần chỉ đạo bộ phận kinh doanh, pháp chế xem xét lại một số điều khoản trong các hợp đồng kinh tế quan trọng nhằm giảm thiểu những rủi ro và bất lợi về phía công ty.
 - Về thực hiện đầu tư dự án xây dựng: các dự án cần tính toán lại thời điểm triển khai sao cho phù hợp để đem lại nguồn thu ổn định và hiệu quả. Cụ thể, đối với mặt bằng trống hoặc kinh doanh không hiệu quả cần gấp rút thực hiện, ngược lại mặt bằng đang đem lại lợi nhuận tương đối tốt cần cân nhắc, tính toán chọn thời điểm triển khai để đem lại hiệu quả ổn định và tối ưu.
 - Trong năm 2010 công tác dự báo thực hiện khá tốt, hạn chế thấp nhất những rủi ro trong đầu tư, trong kinh doanh góp phần đem lại hiệu quả nhất định cho doanh nghiệp. Trong năm 2011 cần tiếp tục làm tốt công tác này ở mức độ cao hơn, nhanh hơn.

Trong năm qua, Ban Kiểm Soát đã hoàn thành nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông tín nhiệm giao phó; giúp Công ty kịp thời chấn chỉnh các thiếu sót trong quản trị, điều hành, hạn chế rủi ro trong việc sử dụng vốn. Tại Đại hội thường niên hôm nay, Ban Kiểm Soát trân trọng báo cáo trước Đại hội, và xác nhận các số liệu trình bày trên

Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty năm 2010 là trung thực và hợp lý.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TM.BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban

NƠI NHẬN:

- Cổ đông của Cty
- HĐQT
- Ban điều hành
- Lưu BKS

Lê Thị Yến Tuyết

PHỤ LỤC 1: Bảng cân đối kế toán 31/12/2010

dvt: đồng

SỐ TT	TÀI SẢN	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 31/12/2010	
		BCTC riêng Bến Thành	BCTC hợp nhất
A	B	1	2
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	123.896.062.600	131.866.666.705
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	36.401.491.770	42.733.715.884
1	Tiền	8.440.183.632	9.272.407.746
2	Các khoản tương đương tiền	27.961.308.138	33.461.308.138
II	Các khoản đầu tư Tài chính ngắn hạn	340.700.000	340.700.000
1	Đầu tư ngắn hạn	886.980.000	886.980.000
2	Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)	(546.280.000)	(546.280.000)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	37.551.605.842	39.189.985.833
1	Phải thu khách hàng	1.072.174.691	2.710.554.682
2	Trả trước cho người bán	5.606.677.347	5.606.677.347
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-
	- Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	-	-
	- Phải thu nội bộ khác	-	-
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	-	-
5	Các khoản phải thu khác	31.966.059.650	31.966.059.650
6	Dự phòng các khoản Phải thu khó đòi (*)	(1.093.305.846)	(1.093.305.846)
VI	Hàng tồn kho	49.431.313.748	49.431.313.748
1	Hàng hóa tồn kho	49.431.313.748	49.431.313.748
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	170.951.240	170.951.240
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	119.667.134	119.667.134
2	Các khoản thuế phải thu	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	51.284.106	51.284.106
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	212.996.153.459	205.107.933.745
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-

SỐ TT	TÀI SẢN	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 31/12/2010	
		BCTC riêng Bến Thành	BCTC hợp nhất
A	B	1	2
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-
II	Tài sản cố định	152.479.320.343	154.001.081.737
1	Tài sản cố định hữu hình	76.158.611.346	77.680.372.740
	- Nguyên giá	94.245.735.942	97.408.146.942
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(18.087.124.596)	(19.727.774.202)
2	Tài sản cố định thuê Tài chính	-	-
	- Nguyên giá	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
3	Tài sản cố định vô hình	24.866.100.000	24.866.100.000
	- Nguyên giá	24.898.100.000	24.898.100.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(32.000.000)	(32.000.000)
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	51.454.608.997	51.454.608.997
III	Bất động sản đầu tư	-	-
	- Nguyên giá	-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	-	-
IV	Các khoản đầu tư Tài chính dài hạn	57.263.825.000	45.857.204.868
1	Đầu tư vào Công ty con	12.000.000.000	-
2	Đầu tư vào Công ty Liên kết, Liên doanh	2.400.000.000	2.993.379.868
3	Đầu tư dài hạn khác	50.907.540.867	50.907.540.867
4	Dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn (*)	(8.043.715.867)	(8.043.715.867)
V	Lợi thế thương mại	-	1.996.639.024
VI	Tài sản dài hạn khác	3.253.008.116	3.253.008.116
1	Chi phí trả trước dài hạn	3.248.508.116	3.248.508.116
2	Tài sản thuế Thu nhập hoãn lại	-	-
3	Tài sản dài hạn khác	4.500.000	4.500.000
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	336.892.216.059	336.974.600.450

SỐ TT	TÀI SẢN	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 31/12/2010	
		BCTC riêng Bến Thành	BCTC hợp nhất
A	B	1	2
	NGUỒN VỐN	-	-
A	NỢ PHẢI TRẢ	75.955.296.275	72.402.758.952
I	Nợ ngắn hạn	34.695.487.671	35.768.337.580
1	Vay và nợ ngắn hạn	1.220.418.504	1.220.418.504
2	Phải trả cho người bán	21.309.186.054	21.309.186.054
3	Người mua trả tiền trước	1.590.693.200	1.590.693.200
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.924.654.047	3.936.461.778
5	Phải trả người lao động	5.557.372.590	5.557.372.590
6	Chi phí phải trả	120.000.000	120.000.000
7	Phải trả nội bộ	-	-
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	740.629.782	742.034.182
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.232.533.494	1.292.171.272
II	Nợ dài hạn	41.259.808.604	36.634.421.372
1	Phải trả dài hạn người bán	-	-
2	Phải trả dài hạn nội bộ	-	-
3	Phải trả dài hạn khác	35.276.784.772	30.651.397.540
4	Vay và nợ dài hạn	3.371.370.274	3.371.370.274
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	445.132.680	445.132.680
7	Dự phòng phải trả dài hạn	-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	2.166.520.878	2.166.520.878
9	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	260.936.919.784	263.267.351.216
I	Vốn chủ sở hữu	260.936.919.784	263.267.351.216
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.000.000.000	88.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	127.419.120.000	127.419.120.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
4	Cổ phiếu quỹ (*)	-	-

SỐ TT	TÀI SẢN	TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH 31/12/2010	
		BCTC riêng Bến Thành	BCTC hợp nhất
A	B	1	2
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.543.685	2.543.685
7	Quỹ đầu tư phát triển	9.156.926.111	9.156.926.111
8	Quỹ dự phòng tài chính	4.476.647.318	4.476.647.318
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	31.881.682.670	34.212.114.102
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-
12	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-
1	Nguồn kinh phí	-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	-	-
C	Lợi ích của cổ đông thiểu số	-	1.304.490.282
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	336.892.216.059	336.974.600.450

PHỤ LỤC 2: Kết quả kinh doanh 2010

đvt: đồng

CHỈ TIÊU	KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2010	
	BCTC riêng Bến Thành	BCTC hợp nhất
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	264.877.875.253	272.301.426.601
2. Các khoản giảm trừ	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	264.877.875.253	272.301.426.601
4. Giá vốn hàng bán	190.257.105.744	190.257.105.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	74.620.769.509	82.044.320.857
6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.659.302.386	12.053.897.720
7. Chi phí tài chính	4.089.455.197	4.089.455.197
- Trong đó: Chi phí lãi vay	2.480.746.156	2.480.746.156
8. Chi phí bán hàng	29.244.888.624	29.244.888.624
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.229.925.358	17.696.880.360
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	40.715.802.716	43.066.994.396
11. Thu nhập khác	1.917.349.120	1.917.487.318
12. Chi phí khác	1.884.173.498	1.894.352.640
13. Lợi nhuận khác	33.175.622	23.134.678
14. Thu nhập (lỗ) từ Cty Liên kết		403.756.873
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	40.748.978.338	43.493.885.947
16a. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.601.525.384	10.280.752.823
16b. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	32.147.452.954	33.213.133.124
18. Lợi ích cổ đông thiểu số	-	499.150.317
19. Lợi nhuận sau thuế TNDN của Cty	32.147.452.954	32.713.982.807
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3.717